

<p><b>17. Kinh Khu Rừng</b></p>	<p><b>17. Jungle Thickets</b> <i>(Vanapattha Sutta)</i></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Bhikkhu Bodhi</b>)</p>
<p><b>17. Kinh Khu rừng</b> (P. <i>Vanapatthasuttam</i>, H. 林藪經) tương đương <i>Lâm kinh</i>.<sup>20</sup> Đức Phật xác định tầm quan trọng của môi trường sinh sống và đối tượng giao tế đối với đời sống đạo đức, tâm linh của các hành giả. Các trú xứ và thân cận xứ nào có thể làm lớn mạnh đời sống tâm linh, hành giả nên an trụ để thăng tiến trên con đường tu tập. Ngược lại, hành giả nên mạnh dạn từ bỏ, dù nơi đó và nhân sự đó cung ứng cho ta nhiều giá trị vật chất.</p>	<p><b>17. Vanapattha Sutta: Jungle Thickets.</b> A discourse on the conditions under which a meditative monk should remain living in a jungle thicket and the conditions under which he should go elsewhere.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Bhikkhu Nāṇamoli &amp; Bhikkhu Bodhi</b></p>
<p>Tôi nghe như vậy: Một thời, Thế Tôn ở Sāvattṭhī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).</p> <p>Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:</p> <p>"Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Người pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng". -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:</p> <p>-- Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào.</p>	<p>1. <b>THUS HAVE I HEARD.</b> On one occasion the Blessed One was living at Sāvattṭhī in Jeta’s Grove, Anāthapiṇḍika’s Park.</p> <p>There he addressed the bhikkhus thus: “Bhikkhus.” — “Venerable sir,” they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. “Bhikkhus, I shall teach you a discourse on jungle thickets. Listen and attend closely to what I shall say.” — “Yes, venerable sir,” the bhikkhus replied. The Blessed One said this:</p> <p>3. “Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in some jungle thicket.<sup>223</sup></p>

Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt,

và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt,

và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải từ bỏ ngôi rừng ấy, không được ở lại, ngay lúc ban ngày hay lúc ban đêm.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào.

Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt,

và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực,

While he is living there his unestablished mindfulness does not become established, his unconcentrated mind does not become concentrated, his undestroyed taints do not come to destruction, he does not attain the unattained supreme security from bondage;

and also the requisites of life that should be obtained by one gone forth — robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites — are hard to come by.

The bhikkhu [105] should consider thus: 'I am living in this jungle thicket. While I am living here my unestablished mindfulness does not become established... I do not attain the unattained supreme security from bondage;

and also the requisites of life... are hard to come by.'

That bhikkhu should depart from that jungle thicket that very night or that very day; he should not continue living there.

4. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in some jungle thicket.

While he is living there his unestablished mindfulness does not become established, his unconcentrated mind does not become concentrated, his undestroyed taints do not come to destruction, he does not attain the unattained supreme security from bondage;

yet the requisites of life that should be obtained by one gone forth... are easy to come by.

sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này.

Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú...

những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn.

Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì được phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải từ bỏ ngôi rừng ấy, không được ở lại.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào.

Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt,

nhưng những vật dụng cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật này kiếm được một cách khó khăn.

The bhikkhu should consider thus: 'I am living in this jungle thicket.

While I am living here my unestablished mindfulness does not become established... I do not attain the unattained supreme security from bondage;

yet the requisites of life that should be obtained by one gone forth... are easy to come by.

However, I did not go forth from the home life into homelessness for the sake of robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites.

Moreover, while I am living here my unestablished mindfulness does not become established... I do not attain the unattained supreme security from bondage.'

Having reflected thus, that bhikkhu should depart from that jungle thicket; he should not continue living there.

5. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in some jungle thicket.

While he is living there his unestablished mindfulness becomes established, his unconcentrated mind becomes concentrated, his undestroyed taints come to destruction, he attains the unattained supreme security from bondage;

yet the requisites of life that should be obtained by one gone forth... are hard to come by.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này.

Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt...

những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn.

Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không phải vì món ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải ở lại khu rừng ấy, không được bỏ đi.

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Và những vật dụng cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này.

Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa

The bhikkhu should consider thus: [106] 'I am living in this jungle thicket.

While I am living here my unestablished mindfulness has become established... I have attained the unattained supreme security from bondage;  
yet the requisites of life... are hard to come by.

However, I did not go forth from the home life into homelessness for the sake of robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites.

Moreover, while I am living here my unestablished mindfulness has become established... I have attained the unattained supreme security from bondage.'

Having reflected thus, that bhikkhu should continue living in that jungle thicket; he should not depart.

6. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in some jungle thicket. While he is living there his unestablished mindfulness becomes established, his unconcentrated mind becomes concentrated, his undestroyed taints come to destruction, he attains the unattained supreme security from bondage;  
and also the requisites of life that should be obtained by one gone forth — robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites — are easy to come by.

The bhikkhu should consider thus: 'I am living in this jungle thicket.

While I am living here my unestablished mindfulness has become established... I have attained the unattained

chúng đạt được chúng đạt,  
và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách  
không khó khăn".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải ở lại khu rừng cho đến  
trọn đời, không được rời bỏ.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một làng nào...

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một thị trấn nào...

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một đô thị nào...

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một quốc gia nào...

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống gần một người nào.  
Tỷ-kheo sống gần người này, các niệmc chưa được an trú  
không được an trú... không được chúng đạt, và những vật  
dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta  
sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệmc  
chưa được an trú không được an trú... không được chúng  
đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách  
khó khăn".

Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy ngay trong phần đêm ấy hay  
ngay trong phần ngày ấy, không phải xin phép, cần phải bỏ  
ngay người ấy mà đi, không cần theo sát người ấy.

supreme security from bondage;  
and also the requisites of life... are easy to come by.'

That bhikkhu should continue living in that jungle thicket  
as long as life lasts; he should not depart.

7–10. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence  
upon a certain village... <sup>224</sup>

11–14. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence  
upon a certain town...

15–18. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence  
upon a certain city...

19–22. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence  
upon a certain country...

23. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence upon  
a certain person... (as in §3) [107]...

That very night or that very day, that bhikkhu should  
depart from that person without taking leave; he should not  
continue following him.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn.

Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, chỉ với ước tính này, cần phải bỏ người ấy mà đi, không có xin phép, không có theo sát.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú được an trú... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn.

24. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence upon a certain person... (as in §4)..."

Having reflected thus, that bhikkhu should depart from that person after taking leave;<sup>225</sup> he should not continue following him.

25. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence upon a certain person... (as in §5)..."



Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, chỉ với suy tính này, cần phải theo sát người ấy, không được bỏ đi.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú được an trú, tâm không định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú, tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, và vô thượng an ổn, khỏi ách phược chưa được thành đạt được thành đạt.

Và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một

Having reflected thus, that bhikkhu should continue following that person; he should not depart from him.

26. "Here, bhikkhus, a bhikkhu lives in dependence upon a certain person... (as in §6) [108]...

cách dễ dàng".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải trọn đời theo sát người này, không được bỏ đi, dầu cho có bị xua đuổi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

That bhikkhu should continue following that person as long as life lasts; he should not depart from him even if told to go away.”

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

### Notes

The bracketed numbers [ ] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

223. The pattern on which §§3–6 are constructed may be stated simply as follows:

- no progress and requisites are scarce = depart;
- no progress and requisites are plentiful = depart;
- progress and requisites are scarce = stay;
- progress and requisites are plentiful = stay.

224. The same pattern is applied in §§7–22 to village, town, city, and country.

225. PTS, in reading here *anāpucchā*, “without taking leave,” seems to be mistaken. BBS and SBJ read *āpucchā*, “after taking leave,” which seems more fitting. As the person on whom the bhikkhu relied—presumably a teacher or a lay supporter—provided the requisites in adequate measure, courtesy requires that the bhikkhu take leave of him before departing.